

ĐỊNH KIẾN GIỚI TRONG TÁC PHẨM NHÃN THẠCH CỦA ATIQ RAHIMI

Nguyễn A Say

Trường Đại học Văn Hiến

sayna@vhu.edu.vn

Ngày nhận bài: 30/3/2018, Ngày duyệt đăng: 7/8/2018

Tóm tắt

Nhãn thạch là câu chuyện về sự bất bình đẳng giới, là tiếng kêu giải phóng phụ nữ, ở Afghanistan hay một nơi nào đó trên thế giới. Số phận những người phụ nữ được thể hiện bằng ngôn từ mạnh mẽ, vô cùng trần trụi và chua xót. Trong đó, những người phụ nữ phải phục tùng những người đàn ông (cha, chồng, con của mình) vô điều kiện. Thông qua câu chuyện người phụ nữ chăm sóc người chồng bị đạn găm vào gáy phải sống đời thực vật; thông qua huyền thoại về nhãn thạch-hòn đá đen ma thuật, tác giả đã bày ra trước mắt người đọc định kiến xã hội về tiết hạnh của người phụ nữ, quan niệm tình yêu, hôn nhân, gia đình, về chiến tranh và cả những ẩn ức tôn giáo, tính dục. Bên cạnh đó, tác phẩm còn thể hiện một nền văn hóa Hồi giáo đậm nét, hiển nhiên bởi Atiq Rahimi viết về Afghanistan- đất nước mà Hồi giáo ngự trị.

Từ khóa: phụ nữ, định kiến giới, Atiq Rahimi, Nhãn thạch, Hồi giáo

Gender prejudices in Atiq Rahimi's *The Patience Stone*

Abstract

The Patience Stone is a story about gender inequality, women's liberation, in Afghanistan or somewhere in the world. The fate of the women is expressed in a powerful, extremely straight and painful language. In it, women have to submit to unconditioned men (father, husband, sons). Through the story of a woman caring for a husband who reduced to a vegetable state by the war; Through the myth of black magic ring, the author presents the reader with social prejudices about the virtues of women, the concept of love, marriage, family, about the war and all those hidden memories of religion, sexuality. In addition, the work depicts a dense Islamic culture, apparently by Atiq Rahimi on Afghanistan, the country where Islam reigns.

Keywords: woman, gender prejudices, Atiq Rahimi, *Patience Stone*, Islam

1. Mở đầu

Nhãn thạch đạt giải thưởng Goncourt năm 2008- giải thưởng về văn học lớn nhất nước Pháp và sau đó được chuyển thể thành phim năm 2012. Tác phẩm là lời “tự sự thẳng thắn, sôi sục và vô cùng xúc động của người phụ nữ Hồi giáo bên giường người chồng trúng đạn sống đời thực vật” (Hội đồng thẩm định giải Goncourt: 2008). Theo Hội đồng thẩm định giải Goncourt (2008), “*Nhãn thạch* được chọn vì chất văn học tuyệt vời, tính hiện đại, khắc nghiệt, độ chính xác và lối viết không chút cường điệu của nó”.

Ngay khi được dịch sang tiếng Việt bởi dịch giả Nguyễn Ngọc năm 2009, tác phẩm đã để lại ấn tượng mạnh nơi người đọc. Qua các bài điểm sách, hầu hết các nhà nghiên cứu, phê bình đều có nhận định: *Nhãn thạch* là một tác phẩm hay, thú vị, hé mở nhiều vấn đề về văn hóa và xã hội Afghanistan. Bên cạnh đó còn có một số bài nghiên cứu chuyên sâu về tác phẩm, cụ thể như:

Nguyễn Anh Dân (2009) trong bài viết “*Nhãn thạch* và tấn bi kịch mang tầm nhân loại” nêu lên một số quan điểm của mình về nội dung tác phẩm, về số phận mà người phụ nữ phải gánh chịu. Tác giả khẳng định đó là tấn bi kịch mang tầm nhân loại. “Bước vào *Nhãn thạch* là bước vào thế giới của sự hủy diệt tàn khốc nhưng cháy rẫy tình thương yêu, đó là địa hạt của sự chết chóc nhưng cũng là thiên đường của tâm hồn khát vọng. *Nhãn thạch* là một ám ảnh – ám ảnh đến khôn nguôi về số phận con người, đồng thời nó cũng là khúc tráng ca của một tấn bi kịch mang tầm nhân loại”. Nghiên cứu *Nhãn thạch* nhưng ở phương diện nghệ thuật, Nguyễn Thị Thanh Thủy (2011) đưa ra khá nhiều luận điểm liên quan đến các yếu tố trần thuật cũng như tiếp cận tác phẩm từ góc độ thi pháp như: tìm hiểu hình tượng người kể chuyện, thế giới tâm lý của nhân vật chính, không gian và thời gian... Lê Thị Ngọc Diệp (2014) trong công

trình *Hình ảnh người phụ nữ trong kinh Qur'an và văn học Ả rập* có đề cập đến tác phẩm *Nhãn thạch*, gợi mở chung: “dấu ấn “chồng chúa vợ tôi” vẫn in hằn lên không khí ngọt ngào, đầy áp bức của chế độ gia trưởng. Người phụ nữ Ả rập là nạn nhân của mọi tầng áp chế từ gia đình cha mẹ đẻ, đến gia đình chồng và xã hội”.

Trong các công trình nghiên cứu nước ngoài mà chúng tôi tìm hiểu được, có thể kể đến Rochmawati (2012: tr. 1) cho rằng bạo lực gia đình có xu hướng lặp đi lặp lại và nguy hại đến tính mạng con người. Nó ám ảnh và phá hủy cuộc sống của phụ nữ và trẻ em. Trong khi đó nhóm tác giả Zabihzadeh và cộng sự (2015: tr. 1) lý giải bạo lực gia đình do bất bình đẳng giới và sự phân biệt giới tính trong xã hội, trong đó người phụ nữ (cụ thể là nhân vật chính) bị lạm dụng về thể xác, tinh thần và tình dục.

Gần đây nhất, Uzair Khan (2017: tr. 5) đề cập đến người phụ nữ Afghanistan trong *Nhãn thạch* bằng quan điểm của thuyết phê bình nữ quyền. Muhammad Uzair Khan cho rằng phụ nữ Afghanistan là nạn nhân thụ động của chiến tranh, chế độ gia trưởng và áp bức. Bên cạnh đó, tác giả cho rằng, nhân vật nên có tiếng nói mạnh mẽ nhất trong tác phẩm là nhân vật cô của người đàn bà, tuy nhiên Atiq Rahimi lại bỏ qua.

Tính đến thời điểm hiện tại, những công trình nghiên cứu về định kiến giới, về sự bất bình đẳng giới trong *Nhãn thạch* chưa nhiều. Đa số là những bài điểm sách, những công trình nghiên cứu về thi pháp, về hình ảnh người phụ nữ, hoặc nếu có thì đi sâu về khía cạnh bạo lực gia đình hoặc yếu tố chính trị của tác phẩm. Bên cạnh đó, xét dưới góc độ xuất bản, những sáng tác văn học về đất nước Afghanistan được dịch sang tiếng Việt không nhiều và những tác phẩm đứng về phía phụ nữ để lên tiếng, đấu tranh cho họ còn hạn chế hơn. Chúng ta có thể kể đến một số tác phẩm như: *Người đưa diều*, *Nhãn thạch*, *Ông chủ hiệu sách ở Kabul*,... Từ những tư liệu thu thập được, bài viết *Định kiến giới trong tác phẩm nhãn thạch của Atiq Rahimi* sẽ cung cấp cho người đọc góc nhìn phổ quát hơn về những vấn đề mà Atiq Rahimi truyền tải trong tác phẩm: tìm hiểu và lý giải số phận đầy bất hạnh của người phụ nữ hiện đại - bởi sự bất bình đẳng và định kiến giới sâu đậm trong xã hội Afghanistan. Bên cạnh đó, người viết còn làm rõ khía cạnh sự đấu tranh của Atiq Rahimi

cho nữ quyền thông qua hình tượng nhân vật chính, dù sự phản kháng ấy còn yếu ớt.

2. Số phận người phụ nữ

Nhãn thạch gần như là lời độc thoại về cuộc đời người phụ nữ đầy bất hạnh. Họ không có quyền bộc lộ suy nghĩ của chính mình, không được ý kiến hay đòi hỏi hạnh phúc cá nhân. Xuyên suốt tác phẩm là lời độc thoại của người đàn bà với tiếng cầu kinh rì rầm trong bối cảnh của những vụ nổ súng diễn ra liên miên. Ngay từ nhỏ, nhân vật người đàn bà đã không có tình thương của bố. Không riêng gì chị mà cả những chị em còn lại trong nhà đều như vậy. “Bây đứa con gái không có tình thương” bởi người bố “ôm hôn lũ chim cú của ông, nhưng không bao giờ hôn mẹ em và bọn em, các con ông”. Không muốn trở thành món hàng cá cược khi bố thua bạc, không muốn bị gả bán sang một gia đình không hề quen biết, chị cố tình để cho con mèo ăn con chim cú với hi vọng người bố sẽ bừng tỉnh nhưng điều chị nhận được là hình phạt nhốt dưới hầm cùng một con mèo hoang. Trong xã hội Afghanistan lúc bấy giờ, đứa bé gái dám chống lại bố mình (dù bố sai) là một đứa bé hư, đứa bé bị “quỷ ám”.

Phụ nữ và trẻ em (đặc biệt là trẻ em gái) không được tự mình quyết định bất cứ chuyện gì, phải phục tùng mệnh lệnh của cha – chồng vô điều kiện. Thậm chí khi lấy chồng, họ cũng không được quyền lựa chọn ý trung nhân. Atiq Rahimi miêu tả cảnh hỏi cưới - một việc thiêng liêng và trọng đại của người con gái - như một trò đùa. “Mẹ anh, bộ ngực đồ sộ, đến nhà em để xin hỏi em gái em. Chưa đến lượt nó lấy chồng. Đây là lượt em. Và mẹ anh đã trả lời đơn giản: Vậy thôi, chẳng có gì nghiêm trọng, vậy thì là nó”.

Người phụ nữ trong *Nhãn thạch* lấy chồng mười năm nhưng thực chất chị chỉ sống với chồng vồn vẹn ba năm. Sau ngày hỏi cưới một năm, gia đình nhà chồng quyết định làm lễ cưới mà không cần có chú rể, thay vào đó là một tấm hình và một chiếc dao găm. Kể từ đó, người con gái phải chuyển sang ở nhà chồng để mẹ chồng “canh trình tiết” và không có quyền gặp lại bạn gái hay gia đình,... Sau bốn năm kể từ ngày người mẹ đi hỏi vợ, anh chồng mới trở về. Rồi anh lại tiếp tục ra trận cho đến khi bị một viên đạn găm sau gáy phải nằm liệt giường.

Lấy chồng mười năm nhưng chị chưa bao

giờ được tâm sự điều gì với chồng. Mỗi quan hệ giữa chị với chồng như mỗi quan hệ chủ tớ, người chồng ban phát tình yêu, bố thí tình cảm và người vợ chỉ được nhận, không được quyền đòi hỏi. Nếu chị nói lên những mong muốn của mình, chị sẽ bị khinh miệt, bị mắng và thậm chí bị đánh đập tàn nhẫn. Mười năm lấy nhau nhưng chị chỉ có ba tuần được tâm sự với chồng. Đó là lúc người chồng đang sống đời sống thực vật. “Vậy là đã mười năm chúng ta cưới nhau. Mười năm! Và chỉ mới ba tuần nay cuối cùng em đã tâm sự đôi điều với anh”.

Không phải ngẫu nhiên khi ngay từ lời đề tựa, Atiq Rahimi trích dẫn câu nói của Antonin Artaud: “Từ thể xác qua thể xác cùng thể xác đến thể xác”. Tác phẩm không chỉ nói đến thân xác của người chồng sau khi bị một viên đạn găm vào gáy và bất tỉnh, sống đời thực vật không có tiếng nói, không cử động mà ngay từ lúc còn sống, anh ta cũng chẳng khác gì cái xác vô hồn. Anh đi biệt mấy năm trời vì cuộc chiến tranh phi nghĩa, trở về, lần đầu gặp vợ, anh cũng không biểu lộ một chút tình cảm nào “không một lời nói, không một cái nhìn”. Lần đầu tiên của hai người diễn ra trong im lặng, vụng về và hụt hẫng. Chỉ khi anh nằm bất động, chị mới có thể nói với anh mọi điều mà không bị ngắt lời, không bị mắng. Người chồng, người cha trong xã hội Afghanistan lúc bấy giờ như một thể lực có quyền năng tối thượng. Tất cả phụ nữ phải phục tùng mà không được phép đòi hỏi. Chính văn hóa hà khắc đó mà những người phụ nữ phải sống một cuộc đời khép kín, cam chịu và đầy bất hạnh.

Chiến tranh cũng là một tác nhân đẩy tình cảnh của người phụ nữ thêm phần bị kịch. Chiến tranh chia lìa chị và chồng, chiến tranh còn khiến chồng chị trở thành cái xác không hồn. Trong hoàn cảnh loạn lạc đó, một mình chị phải đứng ra chăm sóc người chồng bất động cùng hai đứa con gái nhỏ mà không có họ hàng, anh em, gia đình bên cạnh. Chị phải tự tìm cách vượt qua khó khăn và cả nỗi sợ hãi. “Anh có biết...gia đình anh, trước khi họ rời bỏ thành phố, đã nói gì với em? Rằng họ không thể lo cho vợ anh lẫn các con anh...anh phải biết: họ đã bỏ rơi anh”.

Một mình chăm sóc hai đứa con gái nhỏ và một người chồng không có hi vọng phục hồi đã bào mòn sức lực lẫn tinh thần chị. Chị cầu

nguyện mỗi ngày, lần tràng hạt liên tục, gọi đấng Allah thường xuyên nhưng tất cả trở nên vô vọng. Chị hi vọng rồi lại tuyệt vọng, chị đau khổ, chị muốn bỏ chồng, phải chị có một viên đạn lạc kết liễu chồng chị, phải chị anh chết khi viên đạn găm và gáy. Nhưng chị yêu chồng, một thứ tình yêu như tôn giáo, chị tôn thờ chồng và cần mẫn chăm sóc anh mỗi giờ, đến nỗi chị tính thời gian bằng hơi thở của anh. “Đã mười sáu ngày em sống theo nhịp thở của anh (...) Và ngay cả khi ở bên cạnh anh, em cũng thờ cùng nhịp với anh”.

Những khát khao dục vọng, những ả ức bị kìm nén, cả những tiếng kêu xé lòng đòi quyền làm người, được phép yêu thương dày vò tâm thân người phụ nữ trong xã hội Afghanistan lúc bấy giờ. Phụ nữ chỉ là công cụ của những người đàn ông, họ phải che mặt, phải giữ gìn trinh tiết và phục vụ chồng mình mà không được quyền lên cất tiếng nói. Nếu chẳng may bị vô sinh thì họ chẳng còn giá trị nào nữa và trở thành món hàng mua vui cho những người đàn ông khác. Tiết hạnh, máu trinh trở thành một thứ gì đó vô cùng quan trọng và đó là thước đo một người phụ nữ. Máu trinh trở thành một thứ tôn giáo quái gở mà xã hội tôn thờ và kìm kẹp những người phụ nữ.

Bên cạnh nhân vật chính, nhân vật bà cô cũng để lại cho người đọc nhiều suy nghĩ về số phận những người phụ nữ trong xã hội đầy rẫy bất công về giới. Người đàn bà ấy bị vô sinh và ngay lập tức trở nên vô dụng trong mắt chồng và gia đình chồng, trở thành công cụ mua vui cho bố chồng và các anh, em chồng. “Hai năm lấy nhau mà cô em không sinh được con cho ông ta (...) Chồng bà bèn gửi về nhà bố mẹ ông ấy ở tỉnh lẻ để phục vụ họ. Bởi bà vô sinh và đẹp, bố chồng bà có thể tha hồ ngủ với bà, tuyệt đối an toàn. Cả ngày lẫn đêm”. Xã hội lúc bấy giờ mặc định phụ nữ là phải phục tùng và nếu người phụ nữ chẳng may bị vô sinh thì chẳng có ai bênh vực cho họ, kể cả cha mẹ ruột.

3. Huyền thoại hòn đá ma thuật

Đặng Anh Đào (2010) đã trích dẫn “Văn chương sống bằng huyền thoại. Nó tạo ra huyền thoại, rồi lại tiêu diệt đi. (...) Tôi hình dung truyện cổ và huyền thoại như một bộ phận, hay đúng hơn, như một cái đáy thứ hai của thực tại chúng ta (...) Những khát vọng ở đó (...) nói lên thực tại trong các giấc mộng đêm và ngày,

nhưng cũng là ngôn ngữ thường nhật, vốn dĩ mang tính chất bột phát”. Ở đây, chúng ta bắt gặp hình ảnh của huyền thoại gốc – hòn đá đen, sự soi sáng của biểu tượng. Tác giả dùng huyền thoại về hòn đá đen để dẫn dắt người đọc để người đọc dễ dàng tiếp nhận và đồng sáng tạo với nhà văn bằng một hình ảnh quen thuộc.

Đó là hòn đá ma thuật hay hòn đá nhẵn nhụi. “Trong truyền thuyết Ba Tư, có một hòn đá thần được gọi là hòn đá kiên nhẫn, nhẵn thạch. Khi quá đau khổ mà không thổ lộ được với ai, người ta đặt hòn đá đó trước mặt mình và kể lể tất cả với nó. Như một miếng bọt biển, hòn đá sẽ hút lấy tất cả, cho đến khi đầy ứ, nó sẽ nổ tung, và lúc đó con người sẽ được giải thoát” (Atiq Rahimi, 2008). Hòn đá ấy còn được nhắc đến như một vật chủ thiêng liêng của tín đồ Hồi giáo. Đó là hòn đá đen ở đền Ka’aba, trong ngôi nhà của thánh Allah. Ai gặp bất hạnh, ai gặp khổ đau đều có thể hành hương đến đó, đi vòng quanh và thổ lộ với nó với mong muốn được giải thoát.

Hòn đá là hiện thân của một thứ tôn giáo tối thượng, có thể giải thoát con người khỏi khổ đau bất hạnh. Trong *Nhẵn thạch*, hòn đá mà hiện thân là người chồng bị một viên đạn bắn vào gáy và sống đời thực vật trở thành thế giới thần linh nhiệm màu mà người phụ nữ có thể bám víu và khát khao được giải thoát.

Nhân vật phụ nữ trong *Nhẵn thạch* chất chứa tiếng thở than mang tâm thời đại. Chị càng cố chịu đựng thì lại càng tuyệt vọng và cái khát khao giải tỏa những ản ức càng mãnh liệt. Mỗi ngày đối diện với thân xác vô tri của người chồng khiến chị kiệt sức, chị tuyệt vọng. Bên ngoài những cuộc đấu súng giữa các phe phái diễn ra liên miên. Trong nhà, một mình chị đối diện với người chồng vô tri. Gia đình chồng đã bỏ đi, đồng đội của chồng chị cũng không ai bên cạnh, chỉ còn mình chị, mỗi ngày trong vùng chiếm đóng với hai đứa con gái nhỏ. Chị hi vọng anh ta sẽ tỉnh dậy. Nhưng ngày qua ngày, càng hi vọng thì chị càng tuyệt vọng. Có lúc chị ước chồng chết đi để mình được giải thoát. Nhưng khi nghĩ ra chị lại hối hận ngay, chị dẫn vật mình bởi những suy nghĩ đó. “Em có cảm giác em là một con quái vật, một con quỷ cái thật sự. Em kinh hãi. Có phải em đã trở thành một con điên, một kẻ tội phạm?”. Chị đấu tranh với cảm xúc ấy theo từng nhịp thở của chồng. Chỉ khi người chồng nằm im bất động với ống

truyền cùng những “giọt nước ngọt - mặn” chị mới được cất lên tiếng nói của mình, được nói cho chồng nghe những điều thầm kín bấy lâu. Chị xem chồng là nhẵn thạch của chị, là hòn đá đen linh thiêng có thể cho chị giải bày tâm sự.

Mỗi ngày đều cầu nguyện, lần tràng hạt và xin thánh Allah ban phước lành nhưng chẳng có phép màu nào xảy ra, trong con tuyệt vọng, chị đã nhớ đến câu chuyện hòn đá đen và tạo ra cho mình một thứ tôn giáo mới, màu nhiệm hơn. Chồng chị, hay nói đúng hơn, nhẵn thạch là thượng đế của chị. “Hãy nhìn lại chính anh, anh là Thượng Đế. Anh tồn tại mà anh không cử động. Anh nghe mà không nói. Anh thấy mà anh vô hình. Như Thượng Đế, anh kiên nhẫn, tê liệt. Và em, em là sứ giả của anh! Đáng tiên tri của anh! Em là giọng nói của anh! Em là đôi bàn tay anh! Em khải thị anh!”. Chỉ có tâm sự với nhẵn thạch, chị mới thấy nhẹ lòng, mới thấy đời mình được cứu vớt.

Chị tâm sự tất cả những bí mật thầm kín với chồng, từ chuyện chị cố tình để cho con mèo ăn con chim cút của bố cho đến việc im lặng khi đến tháng. Bởi chị hiểu, nếu đem động phòng không sự xuất hiện của máu, chuyện khủng khiếp sẽ xảy ra, rất có thể chị sẽ bị chồng và gia đình nhà chồng “giết chết”. Chị tự hỏi “Em chẳng bao giờ hiểu được tại sao ở các anh, đàn ông các anh, lòng tự hào lại gắn chặt đến thế với máu. Máu trở thành thước đo tiết hạnh của người phụ nữ. Cả đàn ông và đàn bà đều ám ảnh với nó dù “máu thán với máu sạch thì có khác gì nhau”. Chồng bị vô sinh nhưng tất cả mọi tội lỗi đều dành cho chị, chính chị bị vô sinh chứ không một ai khác. Nếu không có con, chị sẽ giống như cô của mình, trở thành món hàng mua vui cho bố chồng và cuối cùng bị đẩy ra nhà thổ. Chị sợ và quyết định giấu chồng có con với những người đàn ông khác. Chị làm điều đó trong tội lỗi và ê chề. Chị đã bị ám ảnh với những giấc mơ mộng mị một thời gian dài. Nhưng chị không còn cách nào khác. Nói đúng hơn những người phụ nữ Afghanistan trong giai đoạn này không còn cách nào khác. Họ buộc phải hành động như vậy nếu không muốn bị xã hội chê trách, ruồng bỏ. Đó không phải vấn đề của họ, của dân tộc họ mà đó là vấn đề của cả nhân loại khi mà quyền sống, quyền làm người, quyền của một người phụ nữ không được trọn vẹn, không được thực thi.

Người phụ nữ miệt mài trao gửi những bí mật khủng khiếp nhất của cuộc đời mình và mong chờ sự giải thoát từ nhẫn thạch. Trong tâm thức của chị, những tội lỗi hiện hữu bằng những giấc mơ và nó dày vò chị. “Giấc mơ ấy trở lại với em hằng đêm khi em có thai đứa con gái đầu (...) bảo rằng nó biết bí mật lớn của em (...) dần dần giấc mơ ấy luôn vào cả những lúc em đang thức ... em nghe thấy tiếng nói của đứa bé trong bụng em”. Cả những ám ảnh tính dục, những ức chế dục vọng chị cũng giải tỏa với nhẫn thạch của mình. Chồng chị không hề hay biết những điều đó, có thể chính anh cũng lo sợ và ám ảnh nhưng thể diện của một người đàn ông không cho phép họ bộc lộ. Còn chị, chị lặng lẽ sống như một cái bóng bên cạnh người chồng của mình. Để rồi chị thốt lên chua xót “Đừng bao giờ trông đợi gì ở kẻ đã biết đến niềm thích thú của súng đạn”.

Mâu thuẫn sâu sắc giữa sự ràng buộc của định kiến xã hội và ý thức phản kháng mạnh mẽ đã đẩy người đàn bà đến việc tự đi tìm nhẫn thạch cho riêng mình. Chúng ta có thể coi đây là hành động phản ứng yếu ớt của người đàn bà. Tại sao chị không dùng một hình thức đấu tranh mạnh mẽ hơn mà lại chọn một phương án âm thầm như vậy? Chúng ta cũng dễ dàng tìm cho mình câu trả lời, bởi người phụ nữ trong xã hội bị định kiến giới áp đặt, xã hội không cho phép họ có những hành động trái ngược quy định, lễ thói, dù là trong suy nghĩ. Sự phản kháng của người phụ nữ (dùng chồng làm nhẫn thạch, phơi bày sự thật với một người chồng vô tri) được coi là hành động đấu tranh mạnh mẽ, và kết cục người phụ nữ vẫn không có sự giải thoát. Và như vậy, tác phẩm như càng nhấn mạnh hơn sự trói buộc của định kiến xã hội về giới, về sự bất bình đẳng giới.

Hiển nhiên, chúng ta không thể đòi hỏi những người đàn ông thay đổi quan niệm một cách nhanh chóng, bởi trong xã hội Afghanistan, chính những người phụ nữ cũng mặc định thân phận của họ phải là như thế. Định kiến về giới trong xã hội Afghanistan vô cùng lớn, trong đó phụ nữ là phái yếu, phải phục vụ cha, chồng con vô điều kiện, không được phát biểu ý kiến và chịu sự chi phối của phái mạnh. Tác giả đã phơi bày những góc khuất, những trần trụi về định kiến giới trong xã hội Afghanistan, có lẽ với mong muốn sự đấu tranh cho nữ quyền lan rộng

và mạnh mẽ hơn.

4. Cuộc đấu tranh cho nữ quyền

Văn học là nhân học, là tiếng nói của nhân loại. Thế giới khách quan được nhà văn thể hiện trong tác phẩm và ngược lại từ nội dung, tác phẩm có thể quay ngược trở lại ảnh hưởng trực tiếp lên thế giới khách quan, ảnh hưởng đến đời sống xã hội. Nhà văn mang trong mình trọng trách quan trọng trong việc truyền tải tư tưởng, tình cảm, những giá trị nhân văn cao đẹp. Vì vậy, có thể dễ hiểu khi thuyết nữ quyền trong văn học nghệ thuật lại phát triển một cách mạnh mẽ như vậy.

Chủ nghĩa nữ quyền là sản phẩm của phong trào cách mạng tư sản cận đại, có bề dày lịch sử hơn 200 năm. Chủ nghĩa nữ quyền được hiểu là “sự ủng hộ tính bình đẳng xã hội của hai phái, dẫn đến sự phản đối chế độ gia trưởng và phân biệt đối xử giới tính”. Là sản phẩm của chủ nghĩa nữ quyền, mở đầu vào năm 1949 khi nữ văn sĩ Pháp Simon de Beauvoir xuất bản công trình *Giới tính thứ hai*. Thuyết phê bình nữ quyền “Là một trường phái phê bình văn học thoát thai từ phong trào chính trị xã hội, phát triển mạnh mẽ vào giữa thế kỷ XX, chủ trương xác lập một nền mỹ học, lý luận văn học và sáng tác văn học riêng cho nữ giới” (Phương Lưu, 2012: tr. 185). Từ đó cho đến nay, vấn đề nữ quyền được các nhà nghiên cứu quan tâm và chia sẻ. Giới nghiên cứu, phê bình không chỉ đánh giá lại giá trị sáng tác của những nhà văn nữ mà còn cất tiếng nói (dĩ nhiên thông qua tác phẩm) đấu tranh cho nhân quyền và đặc biệt là nữ quyền.

Nhẫn thạch của Atiq Rahimi cũng có thể coi là tác phẩm đứng về phía phụ nữ để đòi quyền lợi cho họ, mặc dù tác giả là nam giới. Tác giả đã góp một tiếng nói đấu tranh nữ quyền thông qua tác phẩm văn học, không dài, không gay gắt nhưng hiệu quả và đầy ám ảnh.

Người phụ nữ Hồi giáo bị bắt buộc phải che mặt, không được bày tỏ quan điểm cá nhân cũng như những khát vọng chính đáng. Họ phải sống một cuộc đời phụ thuộc trong câm lặng, nếu phản kháng, hình phạt dành cho họ vô cùng khủng khiếp. Trong *Nhẫn thạch*, Atiq Rahimi đã để người phụ nữ được cất tiếng nói, dù rằng đó là tiếng nói rì rầm, dành riêng cho nhẫn thạch. Từ những lời tâm sự của người phụ nữ không tên không tuổi ấy, tất cả góc khuất của xã hội

Afghanistan hiện lên rõ rệt, trong đó số phận của người phụ nữ sống ở thời hiện đại nhưng không khác gì thời trung cổ, khi họ không được quyền bộc lộ quan điểm cá nhân và chịu sự chi phối của nam quyền. Có thể nói sự vùng dậy của nhân vật người đàn bà trong *Nhẫn thạch* được xem như một sự chấn động dữ dội. Nhưng liệu người phụ nữ ấy có được giải thoát khi kể hết tất cả bí mật và những điều thầm kín cho người chồng - nhẫn thạch của mình - khi mà họ bị bao vây, kim kẹp bởi định kiến xã hội, những ràng buộc tôn giáo và bởi cả chiến tranh.

Xã hội Afghanistan hiện đại giống với xã hội thời phong kiến, lúc đó nạn tảo hôn, hay quan niệm “gái thời tiết hạnh làm câu trao mình”, “tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử” như thứ gông cùm kim kẹp người phụ nữ. Nhưng bối cảnh tác giả đề cập đến là một đất nước Afghanistan ở thế kỷ XXI, thời đại thế giới phẳng, con người bảo vệ và đấu tranh cho quyền bình đẳng giới, khi mọi người gương cao ngọn cờ đấu tranh cho nữ quyền thì những gì được miêu tả trong *Nhẫn thạch* thật cay đắng và xót xa. Quan điểm trọng nam khinh nữ, độc tôn nam quyền ăn sâu vào nhận thức của con người trong xã hội Afghanistan. Nữ giới phục tùng nam giới và không có quyền phản kháng hay bày tỏ quan điểm cá nhân. Họ trôi buộc mình trong định kiến giới. Thậm chí chính những người phụ nữ cũng đối xử bất bình đẳng với nữ giới.

Nhà văn để cho nhân vật người đàn bà kể lại câu chuyện của đời mình, chỉ có độc thoại, bởi người chồng - nhẫn thạch của chị - không thể cất tiếng nói. Bằng giọng nói đều đều, khô khốc, những lời độc thoại ấy như tiếng kêu cứu, như tiếng nói tranh biện tại phiên tòa lương tri. Người phụ nữ không chỉ kể về số phận của mình mà còn kể về số phận của những người phụ nữ giống như chị: bị kim kẹp và chết dần chết mòn sống trong một xã hội quá nhiều hủ tục ràng buộc. Chị kể hết nỗi lòng mình, từ những mong muốn hạnh phúc bình dị nhất cho đến những khát khao giải tỏa ảm ức tình dục. Chị không hạnh phúc, chị sống mà như đã chết. Chồng chị nằm một chỗ như một cái xác không hồn. Chỉ khi được kể hết những suy nghĩ thầm kín, những ước mong của mình, chị mới thực sự hồi sinh. “Nhẫn thạch” của chị nổ tung, chị được giải thoát nhưng với một cách quá đau đớn.

Mười điều không nên làm của phụ nữ Hồi

giáo gồm có: (1) Chỉ tôn thờ một Đấng Tối Cao (Đức Allah); (2) Vinh danh và kính trọng cha mẹ; (3) Tôn trọng quyền của người khác; (4) Bồi thí rộng rãi cho người nghèo; (5) Cấm giết người (ngoại trừ trường hợp đặc biệt); (6) Cấm ngoại tình; (7) Bảo vệ và chu cấp trẻ mồ côi; (8) Cư xử công bằng với mọi người; (9) Trong sạch trong tình cảm và (10) Tinh thần khiêm tốn). Trong đó, nhân vật người đàn bà trong *Nhẫn thạch* đã phạm ít nhất ba điều. Chị dám phản kháng bố đẻ. Chị giấu chồng khi mình đến tháng, để chồng tưởng máu tháng là máu sạch. Chồng bị vô sinh, chị lên lút chồng và gia đình nhà chồng quan hệ với những người đàn ông khác, sinh hai đứa con gái. Chị vừa tôn thờ vừa căm ghét chồng. Ba tuần cuối cùng, chị thổ lộ hết những bí mật cuộc đời với chồng, hiển lộ những ám ảnh tính dục với chồng,...

Người phụ nữ trong *Nhẫn thạch* may mắn tìm được cho mình hòn đá ma thuật và chị trút vào đó những nỗi niềm của mình. Cuối cùng hòn đá – người chồng vùng dậy và vụn vỡ mình, còn “người đàn ông, con dao cắm ngay tim, đến nằm dài trên tấm thảm len ở chân tường, đối diện tấm ảnh của anh”. Kết thúc câu chuyện nhẫn thạch nổ tung, người phụ nữ tưởng chừng được giải thoát nhưng còn gì đó ám ảnh, day dứt người đọc. Chúng ta bất ngờ khi tiếp cận một vùng văn hóa mới lạ có nhiều điều bí ẩn, dù quan niệm về tiết hạnh của người phụ nữ rất giống chúng ta ở giai đoạn phong kiến.

Tác giả không đặt tên cho nhân vật của mình, chỉ gọi nhân vật là người đàn bà. Người đàn bà nói chung của thế giới này, đâu đó ở Afghanistan hay một nơi nào khác, cần phải được hạnh phúc, được nói lên tiếng nói của mình. Tác phẩm, vô hình trung trở thành diễn ngôn của nữ quyền, là bài ca tôn vinh cuộc chiến giành tự do của người phụ nữ. Trong tác phẩm, tác giả để người vợ kể câu chuyện đời mình với chồng- một người đàn ông vô tri với viên đạn găm sau gáy. Nhưng tác giả cũng đang kể với chúng ta câu chuyện về những người phụ nữ bất hạnh trên thế giới. Phụ nữ phải được sống cuộc đời như họ mong ước. Có như vậy thì những người phụ nữ như nhân vật người đàn bà trong truyện không cần phải tâm sự với nhẫn thạch của chính mình với ước mơ giải thoát nữa. Có lẽ đó là lý do tác phẩm trở nên ấn tượng và giành được giải thưởng cao nhất, giải Goncourt của văn học Pháp.

“Thời gian chỉ kéo dài trong vài tuần, nhưng thời gian nghệ thuật trong tác phẩm chỉ được tính bằng sự tuần hoàn của chuỗi hạt trên tay người vợ, hoặc 99 tên khác nhau của thánh Allah. Tất cả sự tuần hoàn đó, được đo bằng một cái đồng hồ chính xác nhất giữa người đàn ông và chị, đó là nhịp thở của anh. Người nghe chuyện thực tế là một cái xác không hồn, nhẵn thạch của chị, nhưng người nghe chuyện tiềm ẩn lại là tất cả chúng ta, một thế giới vốn dĩ thống ngự bởi nam quyền, nhưng chưa bao giờ bạo tàn đến như thế” (Phan Anh, 2009).

Một thế giới rất khác với quan niệm về tình yêu, hạnh phúc gia đình, về tình dục... thông qua lời kể của người phụ nữ. Dưới góc độ tiếp nhận, mỗi độc giả sẽ tìm cho mình một ý nghĩa khác nhau nhưng tựu trung lại, những gì mà nhà văn Atiq Rahimi truyền tải độc giả đón nhận rất rõ ràng. Đọc *Nhẵn thạch* chúng ta sẽ thấy chất tôn giáo, ở đây là Hồi giáo hiện lên một cách đậm nét. “Không gian câu chuyện chỉ là một căn phòng nhỏ, đồ nát với một người phụ nữ khắc khoải bên người chồng đang sống đời sống thực vật với một viên đạn trong gáy. Thông qua không gian ấy, một thế giới Hồi giáo được dựng nên với đầy đủ những khắc nghiệt và tàn bạo của nó”, một văn hóa Hồi giáo đậm đặc với những buổi cầu nguyện, đọc kinh hoặc những điều thiêng liêng cấm kỵ.

Chiến tranh cũng là một tác nhân quan trọng đẩy số phận người phụ nữ thêm phần bi kịch. Nếu như nhà văn Khaled Hosseini (2003) qua tác phẩm *Người đưa điều* miêu tả Afghanistan một cách trực diện với thảm họa chiến tranh và một đất nước bị ám ảnh bởi “trật tự đẳng cấp và sự kỳ thị sắc tộc, tôn giáo đã ăn sâu bám rễ trong nhận thức và trong hành vi ứng xử của tất cả” (trích dẫn bởi Hoài Nam, 2010) thì Atiq Rahimi tối giản không gian hết sức có thể. Xã hội Afghanistan hiện lên qua lời kể của người phụ nữ trong căn phòng có tấm rèm in hình đàn chim di cư vẽ trên tường, bằng không gian ngột ngạt, bí bách, dồn ép con người. Atiq Rahimi bằng tài năng sắp đặt của mình đã xây dựng nên một vở kịch trọn vẹn, hoàn chỉnh, gây sự chú ý nơi người đọc về một đất nước Trung Đông vừa gần gũi nhưng cũng rất xa lạ.

Tiếp cận tác phẩm ta thấy rõ sự mâu thuẫn trong bản thân người đàn bà, chị lúc nào cũng muốn vùng lên, phá toang cái luật lệ hà khắc

giam hãm chị và phụ nữ nói chung nhưng mặt khác chị lại không dám, chị vẫn nhẫn nhịn. Định kiến xã hội giam cầm tư tưởng con người. Họ mặc định phụ nữ thì phải phục tùng cha, chồng, con vô điều kiện,... Nhân vật có tầm ảnh hưởng và có sự đấu tranh chống lại sự bất bình đẳng giới rõ rệt nhất trong tác phẩm là bà cô. Đó là người đàn bà nhân hậu, có trái tim bao la nhưng bất hạnh. Bà bị gả cho một gã đàn ông thô nát. Khi bị vô sinh và bị đẩy về quê để phục vụ bố chồng, bà đã vùng lên chống lại và bỏ đi biệt tích. Bà cũng là người khuyên cháu mình sống cho bản thân dù trái với quy luật xã hội. Tuy nhiên nhân vật này không được tác giả xây dựng rõ mà hiện lên rồi mất hút, để lại dấu chấm lửng trong lòng độc giả về cuộc đấu tranh đòi quyền bình đẳng giới.

5. Kết luận

Với *Nhẵn thạch*, Atiq Rahimi không chỉ tái hiện lại khung cảnh bi thương của đất nước Afghanistan bởi chiến tranh mà còn phơi bày trước mắt độc giả trên toàn thế giới bi kịch bất bình đẳng giới của người phụ nữ. Tác phẩm được viết bằng những câu văn ngắn gọn nhưng rất mạnh mẽ, đôi lúc tạo cảm giác khô khan, khốc liệt nhưng chính nhờ vậy mà càng thu hút độc giả. *Nhẵn thạch* là một tiếng kêu lớn đòi lấy nhân quyền, đặc biệt là nữ quyền. Và như vậy, vấn đề giải phóng phụ nữ thoát khỏi định kiến xã hội, những lễ thói hà khắc không phải là tiếng nói tranh biện của những người phụ nữ mà là nhiệm vụ của tất cả chúng ta, trong thời đại ngày nay, là tiếng kêu cứu giải phóng phụ nữ, ở Afghanistan hay một nơi nào đó trên thế giới như tác giả đề cập ở lời tựa.

Tài liệu tham khảo

- Atiq Rahimi (2008). Nguyễn Ngọc (2016). *Nhẵn thạch*. Bản dịch từ *Syngué Sabour. Pierre de patience*. Nxb Hội nhà văn. Tái bản lần thứ 1.
- Phan Anh (2009). *Nhẵn thạch* của Atiq Rahimi. <http://tapchisonghuong.com.vn/tap-chi/c171/n3051/Nhan-thach-cua-Atiq-Rahimi.html> [truy cập ngày: 17/3/2018].
- Nguyễn Anh Dân (2009). *Nhẵn thạch* và tấn bi kịch mang tầm nhân loại, http://www.khoanguvandhsphue.org/chi_tiet_hoat_dong.aspx?id=83&nc=2&w=%e2%80%9cphan_thach%e2%80%9d_va_tan_bi_kich_mang_tam_nhan_loai.html [17/3/2018].

- Đặng Anh Đào (2010). Huyền thoại văn chương: Thời điểm phát sáng và biến hóa trong văn học viết hiện đại. <http://phebinhvanhoc.com.vn/huyen-toai-van-chuong-thoi-diem-phat-sang-va-bien-hoa-trong-van-hoc-viet-hien-dai/> [truy cập ngày: 17/3/2018].
- Lê Thị Ngọc Diệp (2014). *Người phụ nữ trong văn hóa Hồi giáo qua kinh Qur'an và văn học Ả rập*. Luận án tiến sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Uzair Khan, M. (2017). Representation of Afghan Women in Atiq Rahimi's The Patience Stone: A (Standpoint) Feminist Critique. *Journal of Applied Environmental and Biological Sciences*, 7(8), pp. 187-196.
- Phương Lưu (2012), *Lý thuyết văn học hậu hiện đại*. Nxb Hội Nhà văn.
- Hoài Nam (2010). Một vùng đất bị thương để bỏ quên. http://daibieunhandan.vn/ONA_BDT/NewsPrint.aspx?newsId=93991 [truy cập ngày: 17/3/2018].
- Rochmawati, D. (2012). The domestic violence against afghan women in Atiq Rahimi's the Patience Stone: A feminist new historicism reading. <http://journal.trunojoyo.ac.id/prosodi/article/view/315/290> [truy cập ngày: 30/4/2018].
- Nguyễn Thị Thanh Thủy (2011). *Trần thuật trong nhãn thạch của Atiq Rahimi*. Luận văn thạc sĩ văn học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Zabihzadeh, S. R., Hashim, R. S. and Wei G. C. C. (2015). Domestic Violence against Women in Atiq Rahimi's The Patience Stone. *GEMA Online Journal of Language Studies*. 15 (3), pp. 51-66. <http://ejournal.ukm.my/gema/article/view/7715> [truy cập ngày: 30/4/2018].